TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2023/ HNGĐ- ST Ngày 27/3/2023 "V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giang

Bà Hứa Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2023/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hà V, sinh năm 1989

Nơi ĐKHKTT: Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Đinh Văn N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh H.

Chị V, anh N đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh N kết hôn ngày 07/11/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh H. Khi đó, chị 20 tuổi là sinh viên năm cuối của trường Cao

đẳng sư phạm H, anh N 28 tuổi làm nghề lái xe. Anh chị có thời gian yêu thương, tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Anh chị có được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về sinh sống tại gia đình nhà anh N. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2014, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do anh N có mải chơi lô đề cờ bạc, gây nợ nần nhiều. Chị V có khuyên bảo nhưng anh Nguyện không nghe, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ về việc tiền nong, chi tiêu, sinh hoạt chung trong gia đình. Tuy vậy, anh chị vẫn sinh sống cùng với nhau. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên năm 2015, chị V có đi xuất khẩu lao động ở Nhật. Anh N ở nhà không tu chí làm ăn mà vẫn tiếp tục chơi bời, nợ nần xã hội. Đỉnh điểm đến tháng 8 năm 2022, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do chị phát hiện anh N nợ nần số tiền 500.000.000đồng, vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi cọ, tranh luận nhau trên điện thoại. Dần dần, vợ chồng không còn liên lạc, trao đổi gì với nhau nữa. Đến tháng 12 năm 2022, chị V hết hạn hợp đồng về nước nhưng không thông báo cho anh N và cũng không về sinh sống cùng anh N. Anh N có xuống nhà tìm đón chị nhưng chị cho rằng bản chất con người anh N không thể thay đổi được, không có quan tâm gì đến vợ con, chỉ mải chơi gây thất thoát kinh tế gia đình nhiều lần nên chị kiên quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đinh Duy K, sinh ngày 01/12/2011, hiện đang ở với chị. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện chị làm kinh doanh, bán hàng phong thủy, thu nhập hàng tháng là 10.000.000đồng, chị có thời gian, điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, anh N trình bày: Anh và chị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 07/11/2011. Sau khi kết hôn, anh chị về sinh sống tại gia đình nhà anh. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 3 năm thì đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh có mải chơi, không tu chí làm ăn, gây nợ nần nhiều nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ. Vợ chồng ly thân kể từ tháng 8 năm 2021, không trò chuyện, chia sẻ gì với nhau. Đến tháng 12 năm 2022, chị V về nước, anh có xuống tìm đón nhưng chị V không gặp, gia đình chị V chỉ trích anh khiến vợ chồng không thể đoàn tụ được. Nay anh biết mình có sai, chị V xin ly hôn anh không đồng ý, anh có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung 0là Đinh Duy K, sinh ngày 01/12/2011, hiện đang ở với chị. Nếu vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Trước đây, anh làm nghề lái xe, thu nhập hàng tháng là 10.000.000đồng, nay anh đang nghỉ việc tại nhà để giải quyết ổn thỏa việc gia đình và chưa đi làm gì.

Qua xác minh với trưởng thôn Q, xã K, ông B- bố đẻ anh N, ông T- bố đẻ chị V thể hiện: Quá trình anh chị chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, chủ yếu về kinh tế. Nguyên nhân là do anh N mải chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều. Chị V nhiều lần trả nợ cho anh nhưng anh không thay đổi, không tu chí làm ăn gây dựng kinh tế gia đình mà vẫn mải chơi cờ bạc dẫn đến vay nợ ngày càng nhiều thêm. Kể từ tháng 8 năm 2022, anh chị đã không còn liên lạc với nhau. Đến khi, chị V hết hạn hợp đồng về nước cũng về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị V xin ly hôn anh N, quan điểm gia đình ông B đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị về đoàn tụ, quan điểm gia đình ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn nhau.

Tại phiên tòa:

Chị V và anh N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, cho chị Nguyễn Thị Hà V được ly hôn với anh Đinh Văn N. Về con chung: Giao con chung là Đinh Duy K, sinh ngày 01/12/2011 cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Hà V khởi kiện xin ly hôn đối với anh Đinh Văn N có địa chỉ cư trú tại xã K, huyện K, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị V là nguyên đơn, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N là bị đơn, không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt chị V, anh N.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hà V và anh Đinh Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Anh chị có thời gian hòa thuận, hạnh phúc được 3 năm thì đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh

N mải chơi cờ bạc, không chăm lo gia đình, vợ con, còn gây nợ nần, thất thoát kinh tế gia đình. Tuy vậy, anh chị vẫn sinh sống với nhau vì con cái. Nhưng mâu thuẫn vợ chồng không những không được cải thiện mà càng thêm trầm trọng vào tháng 8 năm 2022. Nguyên nhân là do anh N không thay đổi, tiếp tục mải chơi cờ bạc dẫn đến nợ khoản tiền lớn. Vợ chồng không còn tin tưởng ở nhau và sống ly thân, không liên lạc, không trò chuyện với nhau từ đó. Đến tháng 12 năm 2022, chị V hết hạn hợp đồng về nước nhưng cũng không về sinh sống cùng anh N. Bản thân anh N mong muốn Tòa án hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng khi Tòa án tổ chức hòa giải, anh N không tham gia và không có lý do nên việc anh không đồng ý ly hôn chỉ nhằm gây khó khăn cho chị V. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là Đinh Duy K, sinh ngày 01/12/2011. Chị V và anh N đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nguyện vọng nuôi con của hai anh chị đều chính đáng, phù hợp với trách nhiệm người làm cha, làm mẹ. Tuy vậy, Hội đồng xét xử xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:

Chị V hiện có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập. Từ nhỏ đến nay, cháu K đều sinh sống cùng với chị V và sinh sống cùng gia đình ông bà ngoại từ năm 2015. Chị V có đủ điều kiện để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, ăn ở, học tập cho cháu. Vì thế, việc giao cháu K cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp nguyện vọng, điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp nguyện vọng của cháu. Chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Đến nay, chị V và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí: Chị V là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 217; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hà V.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hà V ly hôn anh Đinh Văn N.

- Về con chung: Giao con chung là Đinh Duy Kh, sinh ngày 01/12/2011 cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hà V phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0002925 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kim Thành;
- UBND xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương